

Số: 26 /GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 24 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16/08/2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 01/CV-AT ngày 20/11/2024 của Công ty TNHH Strongbunch VietNam về việc đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại – công suất 800.000 đôi/năm”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 591/TTr-PTNMT ngày 23 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi giấy phép cho Công ty TNHH Strongbunch VietNam, địa chỉ tại số 12, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại - Công suất 800.000 đôi/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại - Công suất 800.000 đôi/năm

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 12, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8769221683 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 3702712878 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2018, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25 tháng 09 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3702712878

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại - Công suất 800.000 đôi/năm.

- Quy mô: Dự án nhóm C phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Tổng diện tích dự án: 15.000 m².

- Công suất: sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại - Công suất 800.000 đôi/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Sóng Thần 2 để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Strongbunch VietNam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Strongbunch VietNam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Dĩ An.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: từ ngày ~~27~~ tháng ~~12~~ năm 2024 đến ngày 28 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất, gia công sản xuất giày da các loại - Công suất 800.000 đôi/năm” của Công ty TNHH Strongbunch VietNam, địa chỉ tại số 12, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Strongbunch VietNam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Dĩ An;
- LĐVP, CVKT, TTPVHCC;
- Lưu: VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Tài

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24../GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2, không xả trực tiếp ra môi trường).
- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 2 theo các văn bản đã ký Công ty cổ phần Đại Nam (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sóng Thần 2 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung), bao gồm: hợp đồng đầu nối và xử lý nước thải với Công ty cổ phần Đại Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, sinh hoạt của nhân viên (khu vực văn phòng) với lưu lượng khoảng $5m^3$ được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu vực văn phòng, nước thải sau bể tự hoại được dẫn theo đường ống PVC D200 về hố thu, sau đó bơm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2 tại 01 điểm đầu nối trên đường Đại lộ Thống Nhất tọa độ $X=1207198$; $Y=500377$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰)

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh, sinh hoạt của công nhân viên (khu vực nhà xưởng) với lưu lượng khoảng $43,08m^3$ được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu vực nhà xưởng, nước thải sau bể tự hoại được hoà dòng cùng nguồn số 1 trên đường ống bơm đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ nhà ăn với lưu lượng khoảng $15m^3$ được thu gom về 01 bể tách mỡ, nước thải sau bể tách mỡ theo đường ống PVC D200 về hố thu, sau đó bơm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2 tại 01 điểm đầu nối trên đường Đại lộ Thống Nhất tọa độ $X=1207198$;

Y=500377 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng → Bể tự hoại 03 ngăn → Nhập chung với nước thải từ nhà ăn sau bể tách mỡ → Hồ thu → Bơm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng → Bể tự hoại 03 ngăn → Hoà dòng trên đường ống bơm đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 2.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải.

- Khi bể tự hoại tắc nghẽn do đầy, cần hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để tránh nước thải tràn ra bên ngoài.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố chưa thể khắc phục ngay và ngưng hoạt động nếu cần.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 2.

- Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sóng Thần 2 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Sóng Thần 2 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24.../GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải từ công đoạn mài đế
- Nguồn số 2: Khí thải từ công đoạn quét nước xử lý
- Nguồn số 3: Khí thải từ công đoạn pha trộn keo
- Nguồn số 4: Khí thải từ công đoạn dán
- Nguồn số 5: Khí thải từ máy phát điện dự phòng, công suất 1.250 kVA (theo đề nghị của Công ty)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1 (nguồn số 1): Tọa độ X= 1205031, Y = 608284.
- Dòng khí thải số 2 (gồm nguồn số 2, 3 và 4): Tọa độ X= 1205069, Y = 608257.
- Dòng khí thải số 3 (nguồn số 5): Tọa độ X = 1205100, Y = 608271 (theo đề nghị của Công ty)

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.800m³/giờ
- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000m³/ giờ
- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 500m³/ giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: xả liên tục 24/24 giờ.
- Dòng khí thải số 2: xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục 24/24 giờ.
- Dòng khí thải số 3: xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục 24/24 giờ khi máy phát điện hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, k_p=1, k_v=0,1; QCVN 20:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ; QCVN

05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
- Đối với dòng khí thải số 1					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	300	6 tháng/lần (Theo đề xuất của Công ty)	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
- Đối với dòng khí thải số 2					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần (Theo đề xuất của Công ty)	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Nhiệt độ	mg/Nm ³	-		
3	Cyclohexan	mg/Nm ³	1300		
4	Toluen	mg/Nm ³	750		
5	Etylaxetat	mg/Nm ³	1400		
6	Dimetylfomamit	mg/Nm ³	60		
7	Acetone	mg/Nm ³	200		
- Đối với dòng khí thải số 3					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1: khí thải từ công đoạn mài đế (bụi) được thu gom bằng quạt

hút qua các ống nhánh, ống chính về hệ thống lọc bụi túi vải.

- Dòng khí thải số 2: khí thải từ công đoạn quét nước xử lý, pha trộn keo, dán, sấy được thu gom bằng quạt hút qua các ống nhánh, ống chính về tháp hấp thụ bằng than hoạt tính sau đó thải vào môi trường qua ống thải cao 15m.

- Dòng khí thải số 3: khí thải từ máy phát điện được thải vào môi trường qua ống thải D300 cao 3m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1:

+ Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Ống nhánh → Ống chính 08 Quạt hút (02 quạt hút công suất $2.400\text{m}^3/\text{giờ}$, 06 quạt hút công suất $1.000\text{m}^3/\text{giờ}$) → 08 túi vải → Môi trường tiếp nhận xung quanh nhà xưởng.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

- Dòng khí thải số 2:

+ Quy trình xử lý: Khí thải → Ống nhánh → Ống chính → 5 Quạt hút (Công suất $1.200\text{m}^3/\text{giờ}$) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải D800 cao 15m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính, thay thế định kỳ 760kg/6 tháng.

- Dòng khí thải số 3:

+ Quy trình xử lý: Khí thải máy phát điện → Ống thải D600 cao 3m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Công ty TNHH Giày An Thịnh (chủ dự án cũ) đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Thiết bị xử lý bụi mài đế, công suất thiết kế $10.800\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Thiết bị xử lý khí thải từ công đoạn quét nước xử lý, pha trộn keo, dán, sấy, công suất thiết kế 6.000m³/ giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Công ty TNHH Strongbunch VietNam phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26.. /GPMT-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tại công đoạn ép đế
- Nguồn số 2: Tại công đoạn cắt
- Nguồn số 3: Tại công đoạn may
- Nguồn số 4: Tại công đoạn mài đế
- Nguồn số 5: Tại công đoạn sấy
- Nguồn số 6: Tại máy phát điện
- Nguồn số 7: Tại máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X= 1205028; Y=608280.
- Nguồn số 2: Tọa độ: X= 1205025; Y=608190
- Nguồn số 3: Tọa độ: X= 1205028; Y=608192
- Nguồn số 4: Tọa độ: X= 1205031; Y=608283
- Nguồn số 5: Tọa độ: X= 1205069; Y=608255
- Nguồn số 6: Tọa độ: X= 1205100; Y=608271
- Nguồn số 7: Tọa độ: X= 1205099; Y=608270

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy và các thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .26. /GPMT-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	55
2	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính (có thành phần nguy hại)	08 03 03	Lỏng	100
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	1.900
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	20
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	20
6	Bao bì mềm thải (dính thành phần nguy hại)	18 01 01	Rắn	80
7	Bao bì kim loại cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 02	Rắn	100
8	Bao bì nhựa cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 03	Rắn	85
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	110
TỔNG KHỐI LƯỢNG				2.470

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Da vụng, đế giày vụng, sản phẩm lỗi	650
2	Phụ kiện giày (ngũ kim lỗi)	34
3	Bao bì, nylon, giấy văn phòng, thùng carton	20

TỔNG KHỐI LƯỢNG

704

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân viên, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 162.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 09 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH, với thể tích mỗi thùng là 120 lít. Bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực lưu chứa CTNH có tường bao, mái che, nền bê tông chống thấm, gờ chống tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: có tường bao, mái che, nền bê tông chống thấm, gờ chống tràn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn với thể tích mỗi thùng từ 20 đến 220 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: có tường bao, mái che, nền bê tông chống thấm, gờ chống tràn.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 26./GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)



1. Công ty TNHH Strongbunch ViệtNam có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.